

CỤC THUẾ
THUẾ TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /HYE-QLDN1
V/v xác định thuế suất hàng hóa

Hưng Yên, ngày tháng năm

Kính gửi: CÔNG TY TNHH GHS VINA
(Địa chỉ: Thôn Ngọc Đà, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên
MST: 2300536194)

Trả lời Văn bản số 06/CV-2026 ngày 07/01/2026 của CÔNG TY TNHH GHS VINA (sau đây gọi tắt là Công ty) về việc xác định thuế suất hàng hóa, Thuế tỉnh Hưng Yên có ý kiến như sau:

Căn cứ Luật Thuế Giá trị gia tăng số 48/2024/QH15 ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội, quy định thuế suất thuế giá trị gia tăng:

“Điều 9. Thuế suất:

...

3. Mức thuế suất 10% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ không quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, bao gồm cả dịch vụ được các nhà cung cấp nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam cung cấp cho tổ chức, cá nhân tại Việt Nam qua kênh thương mại điện tử và các nền tảng số....”;

Căn cứ Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về giảm thuế giá trị gia tăng;

“Điều 1. Phạm vi áp dụng

1. Giảm 2% thuế suất thuế giá trị gia tăng, áp dụng đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 3 Điều 9 của Luật Thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15 (còn 8%), trừ một số nhóm hàng hóa, dịch vụ sau: viễn thông, hoạt động tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, kinh doanh bất động sản, sản phẩm kim loại, sản phẩm khai khoáng (trừ than), sản phẩm hàng hóa và dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt (trừ xăng)....”;

Căn cứ Nghị định 174/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội:

“Điều 1. Giảm thuế giá trị gia tăng

1. Giảm thuế giá trị gia tăng đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10%, trừ nhóm hàng hóa, dịch vụ sau:

a) Viễn thông, hoạt động tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, kinh doanh bất động sản, sản phẩm kim loại, sản phẩm khai khoáng (trừ than). Chi tiết tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

b) Sản phẩm hàng hóa và dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt (trừ xăng). Chi tiết tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

c) Việc giảm thuế giá trị gia tăng cho từng loại hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều này được áp dụng thống nhất tại các khâu nhập khẩu, sản xuất, gia công, kinh doanh thương mại.

Trường hợp hàng hóa, dịch vụ nêu tại các Phụ lục I và II ban hành kèm theo Nghị định này thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng hoặc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng 5% theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng thì thực hiện theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng và không được giảm thuế giá trị gia tăng.

2. Mức giảm thuế giá trị gia tăng:

a) Cơ sở kinh doanh tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Cơ sở kinh doanh (bao gồm cả hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh) tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp tỷ lệ % trên doanh thu được giảm 20% mức tỷ lệ % để tính thuế giá trị gia tăng khi thực hiện xuất hóa đơn đối với hàng hóa, dịch vụ được giảm thuế giá trị gia tăng quy định tại khoản 1 Điều này.

...

4. Trường hợp cơ sở kinh doanh theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ áp dụng các mức thuế suất khác nhau thì trên hóa đơn giá trị gia tăng phải ghi rõ thuế suất của từng hàng hóa, dịch vụ theo quy định tại khoản 3 Điều này.

Trường hợp cơ sở kinh doanh theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ thì trên hóa đơn bán hàng phải ghi rõ số tiền được giảm theo quy định tại khoản 3 Điều này.

...

“Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026.

...”

Căn cứ Phụ lục I: Danh mục hàng hóa, dịch vụ không được giảm thuế suất thuế giá trị gia tăng; Phụ lục II: Danh mục hàng hóa, dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt không được giảm thuế giá trị gia tăng, Phụ lục III: Mẫu số 01 về việc giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 kèm Tờ khai thuế GTGT, ban hành kèm theo Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Phụ lục Danh mục và nội dung hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam, ban hành kèm theo Quyết định số 43/2018/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2018 Ban hành hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam của Thủ tướng Chính phủ.

Căn cứ các quy định nêu trên, theo trình bày của Công ty tại Công văn số 06/CV-2026 ngày 07/01/2026, Thuế tỉnh Hưng Yên hướng dẫn về mặt nguyên tắc như sau:

- Trường hợp hàng hóa, dịch vụ Công ty nêu tại Công văn số 06/CV-2026 được quy định tại Phụ lục I; Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ thì không được giảm thuế giá trị gia tăng từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026 theo quy định tại Điều 1 Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025.

- Trường hợp hàng hóa, dịch vụ Công ty nêu tại Công văn số 06/CV-2026 thuộc Danh mục và nội dung hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam, ban hành kèm theo Quyết định số 43/2018/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2018 và không được nêu tại các Phụ lục I; Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ thì được giảm thuế giá trị gia tăng từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026 theo quy định tại Điều 1 Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025.

Đề nghị Công ty căn cứ tình hình thực tế hàng hóa, dịch vụ Công ty cung cấp, đối chiếu với các Phụ lục I, II ban hành kèm theo Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ để xác định hàng hóa được giảm thuế, không được giảm thuế theo quy định.

Thuế tỉnh Hưng Yên thông báo người nộp thuế biết để thực hiện theo đúng quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đã được trích dẫn tại văn bản này./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Thuế tỉnh;
- Phòng: KT1, NVDTPC;
- Website Thuế tỉnh;
- Lưu: VT, QLDN1 ^{N.Thủy}.

**KT. TRƯỞNG THUẾ TỈNH
PHÓ TRƯỞNG THUẾ TỈNH**

Bùi Công Minh